

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 213/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2025

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Quốc Thể và ông Phạm Văn Vượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18/6/2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Tuấn A**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Tuyên Quang (thôn A, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cũ), (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị C**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn V, xã B, tỉnh Tuyên Quang (thôn V, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cũ), (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tuấn A và chị Phạm Thị Chung kết H với nhau vào năm 2021, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2021 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang), (*Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thôn A, xã V (nay là thôn A, xã B). Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 06 năm 2025 anh Trần Tuấn A có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị C.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Tuấn A trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, suy nghĩ không còn hợp nhau, vợ chồng không có lòng tin vào nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nói nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc, anh chị hiện đang sống ly thân được hơn 01 năm. Anh Trần Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị C.

- Về con chung: Anh Trần Tuấn A xác định không có con chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Trần Tuấn A xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Trần Tuấn A xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Trần Tuấn A có hộ khẩu thường trú tại: Thôn A, xã B, tỉnh Tuyên Quang (thôn A, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cũ), chị Phạm Thị C có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã B, tỉnh Tuyên Quang (thôn V, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cũ). Anh Trần Tuấn A và chị Phạm Thị Chung kết H với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn A, xã B cùng với gia đình nhà anh Trần Tuấn A. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, suy nghĩ không hiểu nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nói nhau. Vợ chồng hiện sống ly thân từ giữa năm năm 2024 đến nay. Mâu thuẫn đã được gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Ở địa phương chị Phạm Thị C là lao động tự do, hiện đang đi làm ở ngoài tỉnh Tuyên Quang nên không có mặt ở địa phương, chị C1 thường xuyên về nhà khi được nghỉ lễ, tết và gia đình có việc.

Chị Phạm Thị C làm lao động tự do, đang đi làm ở ngoài tỉnh Tuyên Quang, không có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần chị Phạm Thị C vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 1 – Tuyên Quang

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn chị Phạm Thị C không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Anh Trần Tuấn A và chị Phạm Thị Chung kết H với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 10/9/2021 là

hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Do vậy, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho anh Trần Tuấn A được ly hôn với chị Phạm Thị C; về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Anh Trần Tuấn A xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện anh Trần Tuấn A đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị C; về con chung, tài sản chung, vay nợ chung anh Trần Tuấn A đều xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết. Chị Phạm Thị C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã B, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập chị Phạm Thị C nhiều lần nhưng chị C không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên toà, nguyên đơn anh Trần Tuấn A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Phạm Thị C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tuấn A và chị Phạm Thị Chung kết H với nhau trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 10/9/2021 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ lời khai của anh Trần Tuấn A và kết quả xác minh thể hiện từ đầu năm 2024 vợ chồng anh Tuấn A và chị C thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không hiểu nhau, hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng, không hạnh phúc, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Tháng 06 năm 2025 anh Trần Tuấn A có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị C.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh Trần Tuấn A và chị Phạm Thị C có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng căng thẳng, vợ chồng hiện đang sống ly thân nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Trần Tuấn A được ly hôn với chị Phạm Thị C.

2.2. Về con chung: Anh Trần Tuấn A và chị Phạm Thị C không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Trần Tuấn A và chị Phạm Thị C không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Trần Tuấn A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Tuấn A được ly hôn với chị Phạm Thị C.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang - nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về án phí: Anh Trần Tuấn A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0001801 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Tuyên Quang). Anh Trần Tuấn A đã nộp đủ án phí của vụ án. Chị Phạm Thị C không phải nộp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND khu vực 1;
- T.H.A dân sự tỉnh TQ;
- UBND xã B (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hồng Chiến